ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30 /2021/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 12 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 573/TTr-STNMT ngày 09 tháng 9 năm 2021; kết quả biểu quyết của các thành viên UBND thành phố Đà Nẵng tại cuộc họp thường kỳ ngày 22 tháng 9 năm 2021 (Thông báo số 524/TB-VP ngày 25 tháng 9 năm 2021) và Tờ trình số 614/TTr-STNMT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khi tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân thành phố giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 đối với các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

b) Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 20.000 đồng/m^3;

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm;

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lấn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 7.500.000 đồng/ha/năm;

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm;

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá: 7.500.000 đồng/ha/năm;

6. Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển để khai thác các loại hình năng lượng khác: 7.500.000 đồng/ha/năm;

7. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển nêu tại các khoản trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ban hành tại Điều 3 Quyết định này và đề nghị của các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin giao khu vực biển, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển, trong đó ghi cụ thể mức thu tiền, hình thức trả tiền và số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển đó theo quy định.

2. Phương thức thu và xác định số tiền sử dụng khu vực biển; trình tự thủ tục thu, nộp tiền sử dụng khu vực biển; kinh phí cho nhiệm vụ giao khu vực biển; xử lý tiền sử dụng khu vực biển trong trường hợp gia hạn, trả lại, thu hồi khu vực biển

thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các Sở, ngành, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính về giao khu vực biển trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa có kết quả giải quyết hồ sơ thì được lựa chọn mức thu tiền quy định tại Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hoặc quy định tại Quyết định này. Các loại hình sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chưa được quy định tại Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng thì áp dụng mức thu tiền sử dụng biển tại Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25.. tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31/12/2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận: Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TV Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- UB MTTQVN thành phố;
- Cục Thuế TP; KBNN Đà Nẵng;
- Các Sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- Đài PTTH Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, STNMT.

35

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Kỳ Minh